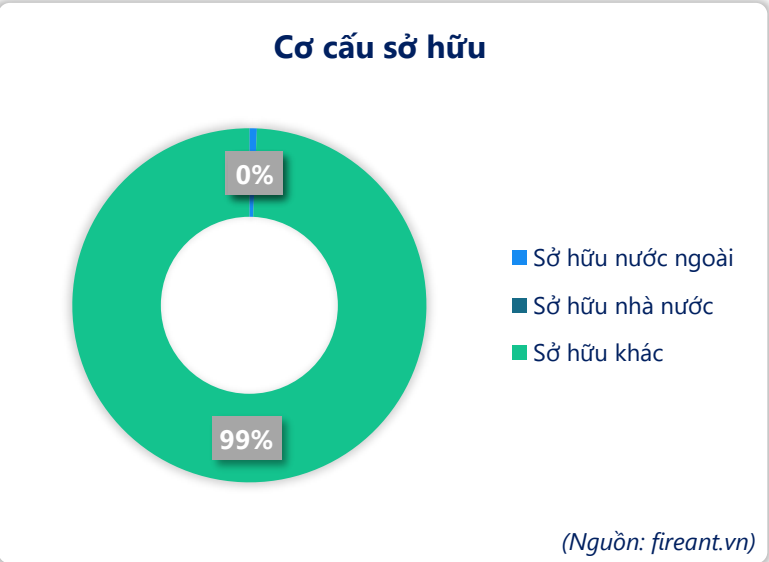
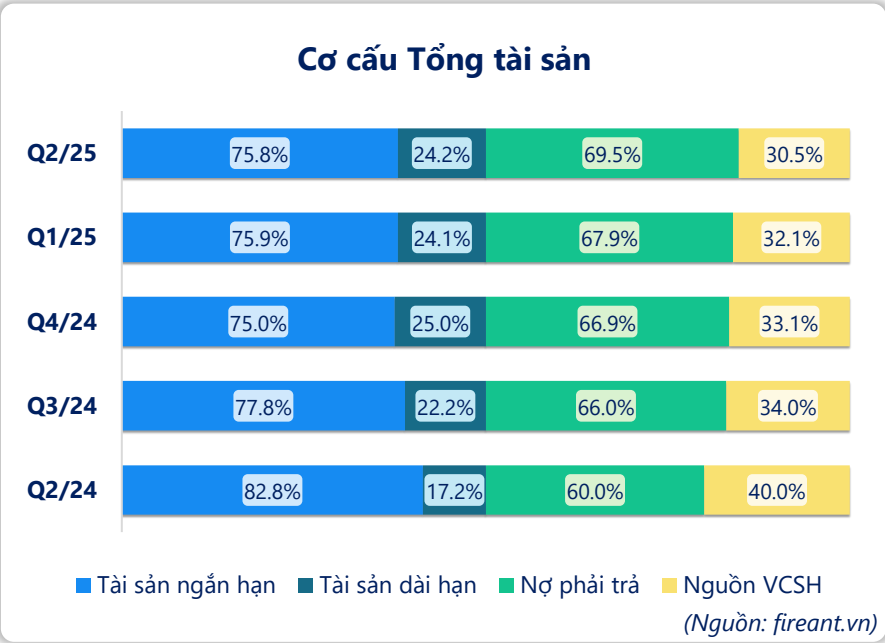
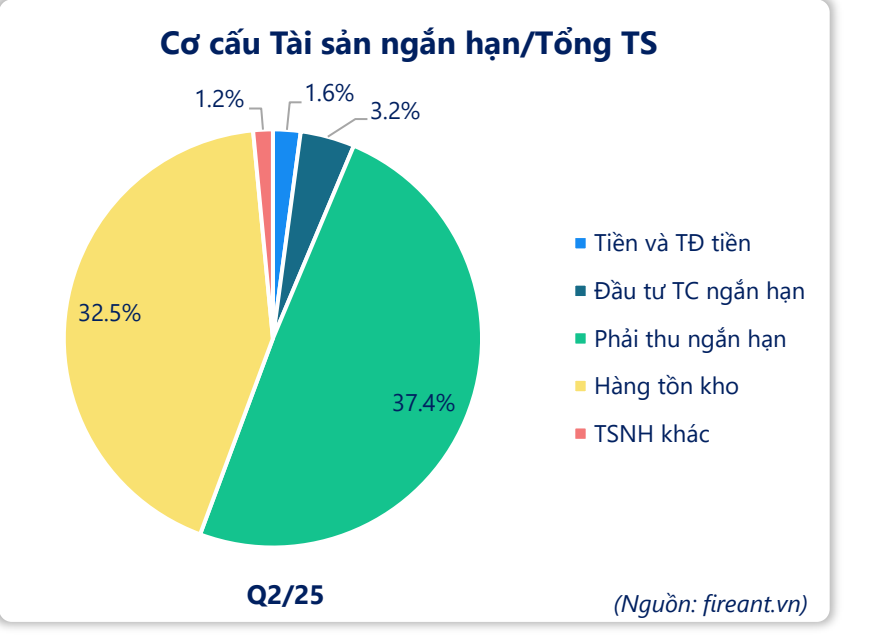
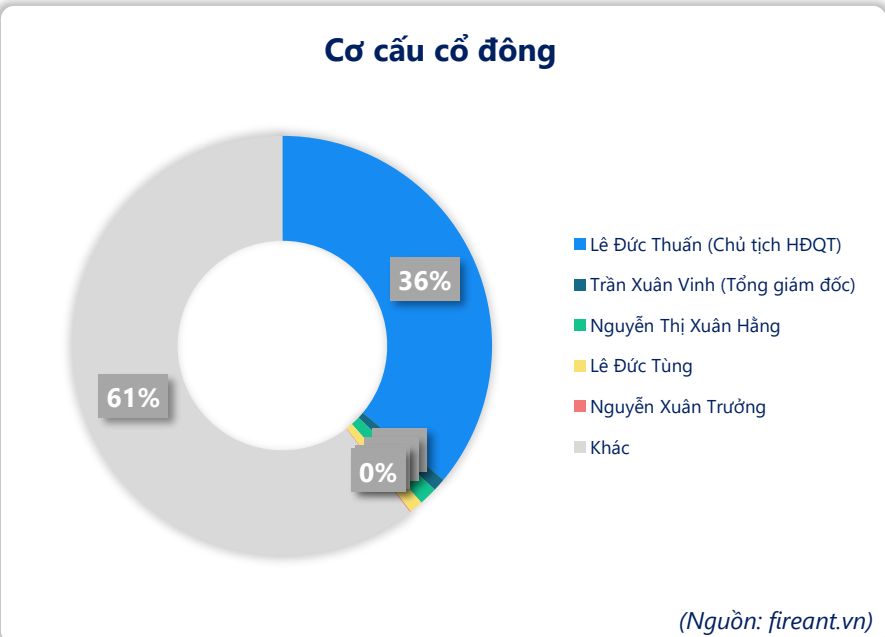
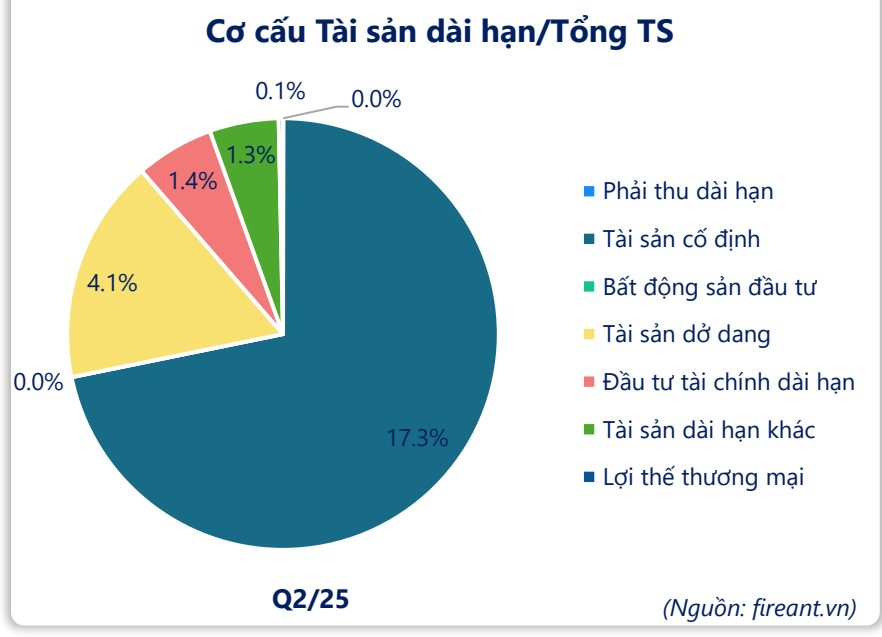
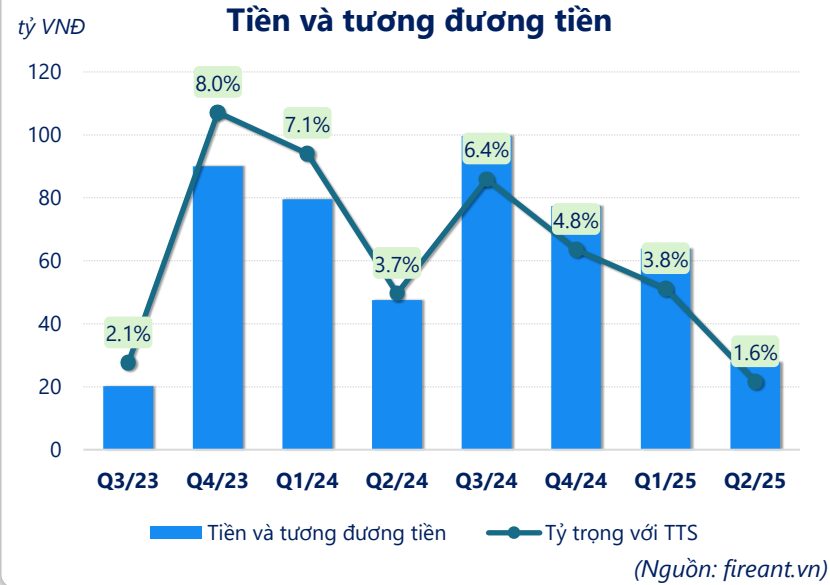
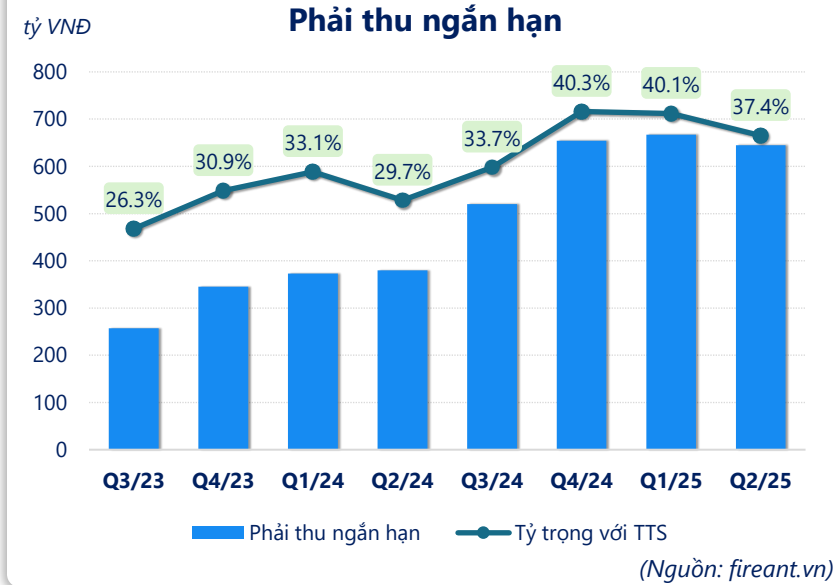
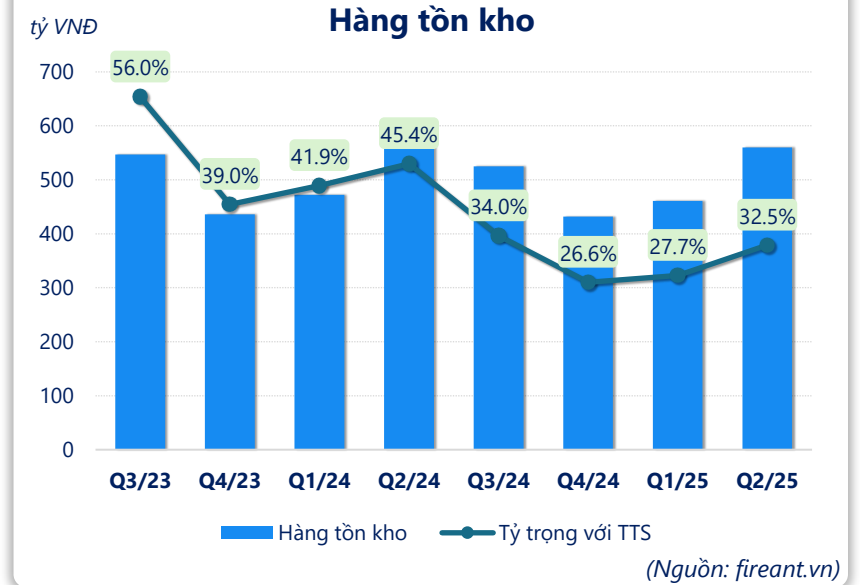
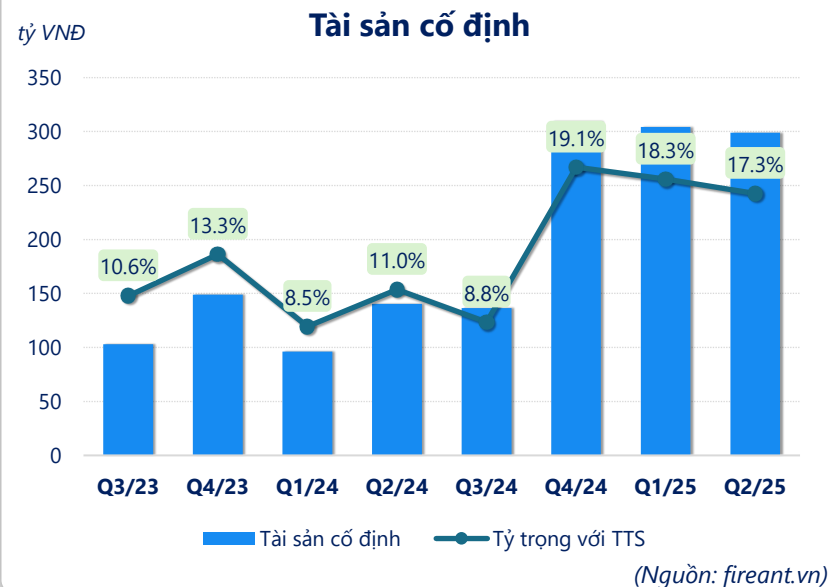
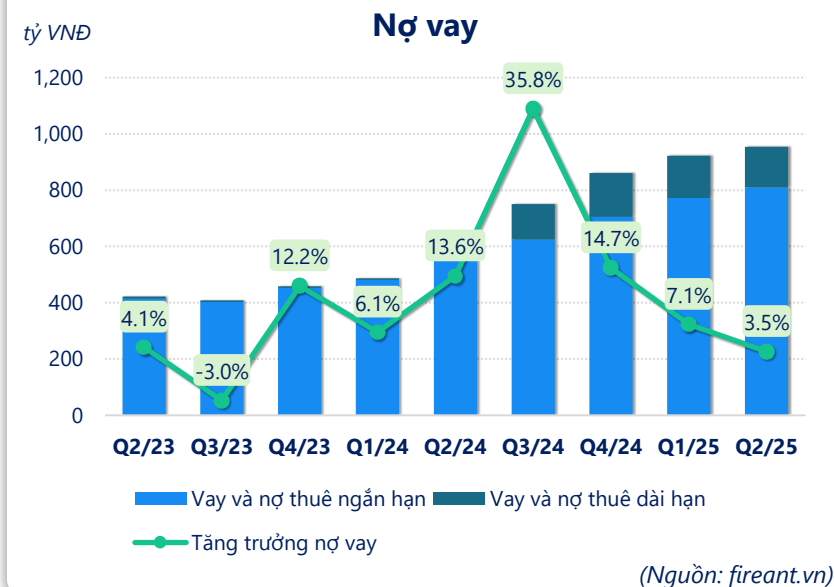
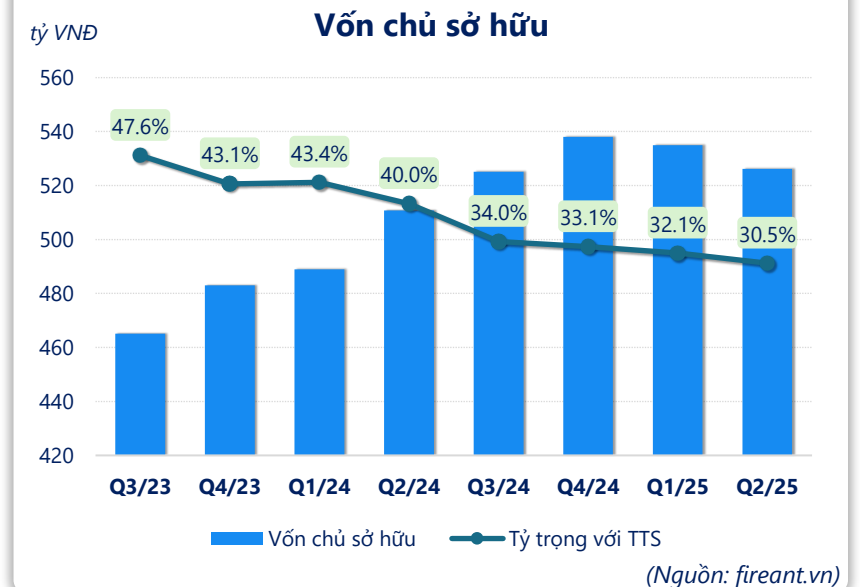
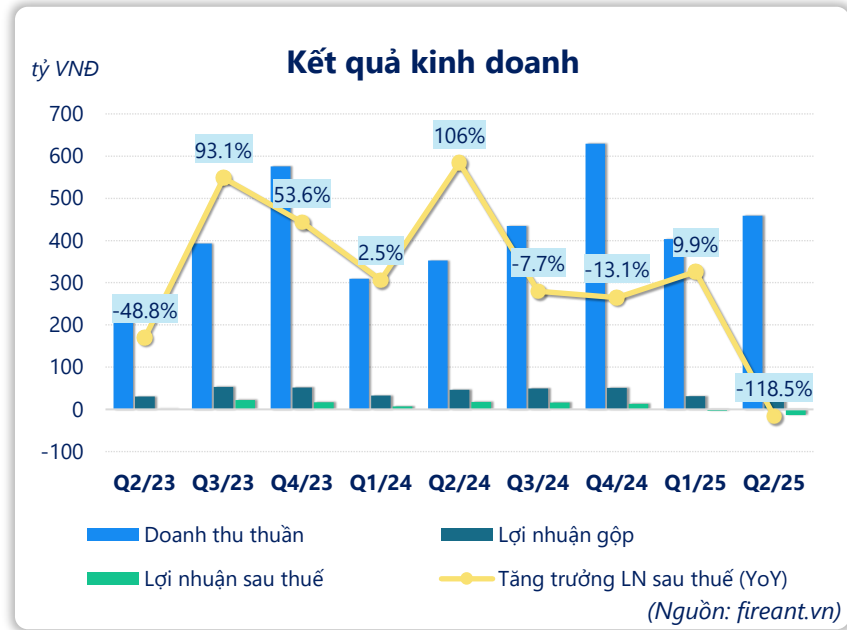
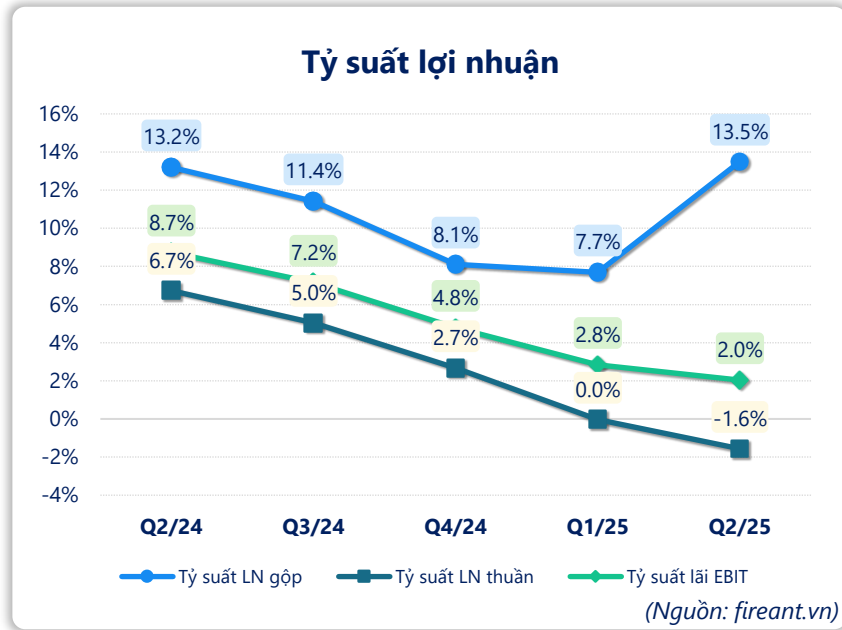
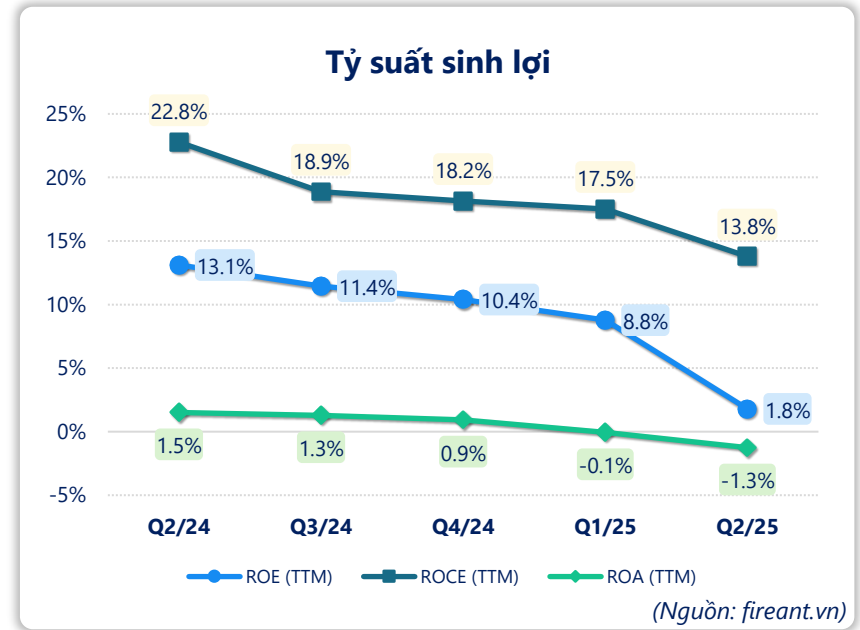
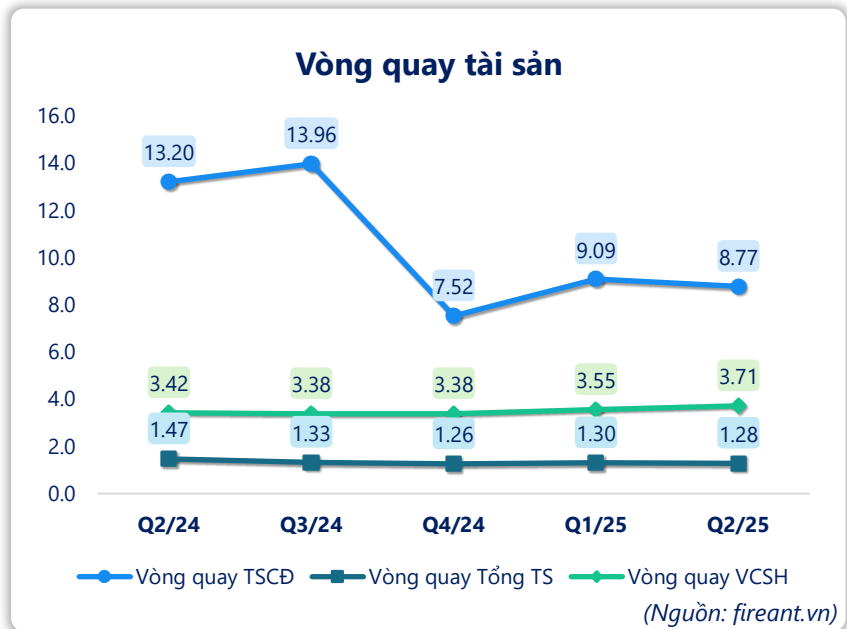
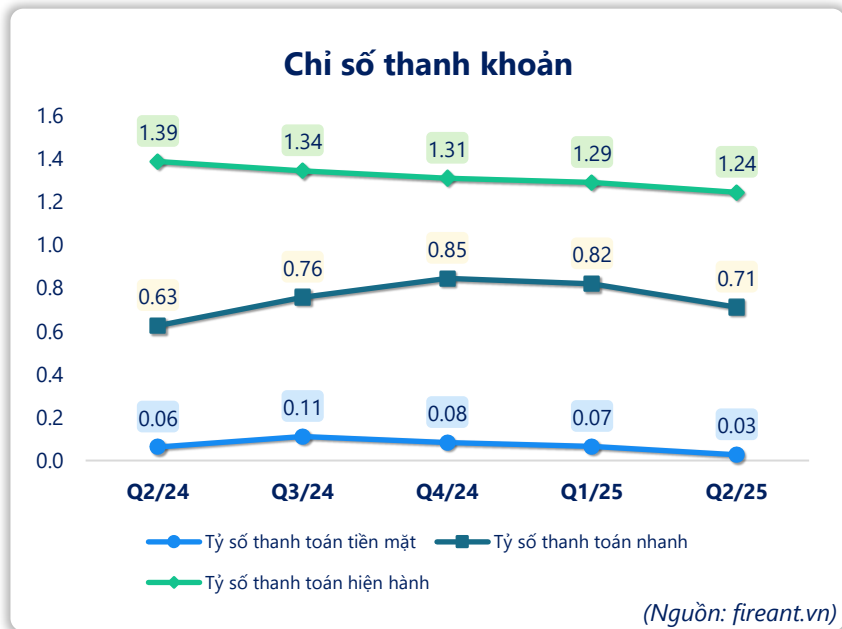
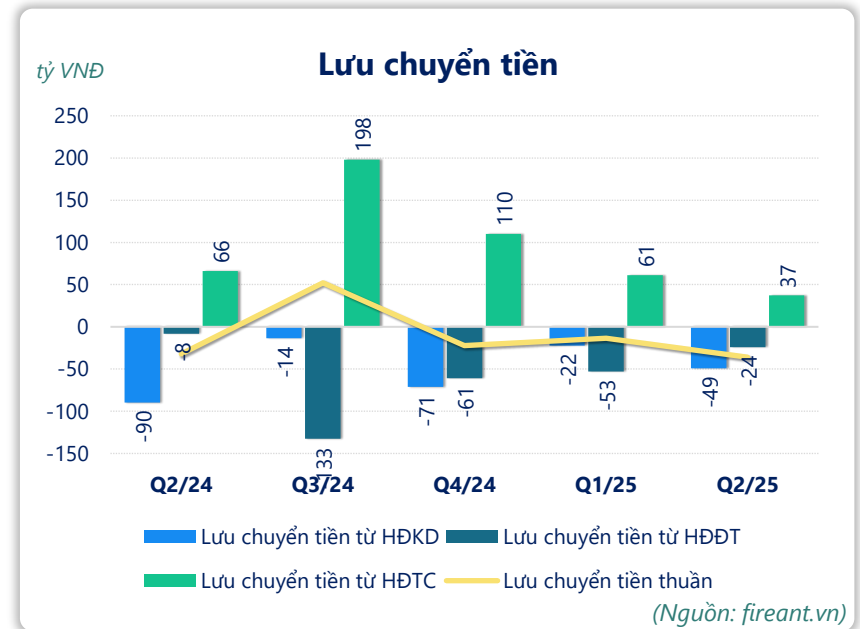


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,700
SL cổ phiếu LH		31,249,394
KLGD BQ 20 phiên (CP)		68,335
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		237
P/E		25.6
EPS		297

	YTD	1T	3T	6T
BNA	-24.8%	-7.3%	-13.6%	-21.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,724	1,617	6.6%
Tài sản ngắn hạn	1,307	1,211	8.0%
Tiền và tương đương tiền	27.9	77.5	-64.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.8	34.9	57.0%
Phải thu ngắn hạn	645	643	0.3%
Hàng tồn kho	560	436	28.4%
Tài sản ngắn hạn khác	19.8	19.5	1.7%
Tài sản dài hạn	416	407	2.4%
Phải thu dài hạn	0.15	0.15	1.3%
Tài sản cố định	299	310	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	70.1	74.7	-6.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.4	0	
Tài sản dài hạn khác	21.6	20.4	5.7%
Lợi thế thương mại	1.32	1.55	-14.6%
Nợ phải trả	1,197	1,078	11.1%
Nợ ngắn hạn	1,050	922	13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	810	706	14.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	151	135	11.5%
Nợ dài hạn	147	156	-5.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	144	155	-7.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	526	539	-2.4%
Vốn chủ sở hữu	526	539	-2.4%
Vốn điều lệ	312	312	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	353	434	630	403	459
Giá vốn hàng bán	306	385	579	372	397
Lợi nhuận gộp	46.6	49.6	51.0	31.0	62.0
Doanh thu HĐTC	3.57	0.67	2.09	1.58	3.52
Chi phí TC	8.77	10.6	15.5	14.1	17.8
Chi phí lãi vay	8.03	10.3	13.2	13.9	17.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	-31.1
Chi phí bán hàng	11.2	10.9	11.8	11.6	16.8
Chi phí QLDN	6.46	6.82	9.02	7.03	6.91
LN thuần từ HĐKD	23.7	21.9	16.8	-0.14	-7.18
Lợi nhuận khác	-0.95	-1.14	0.15	-2.33	-1.41
LN trước thuế	22.8	20.8	17.0	-2.47	-8.59
Lợi nhuận sau thuế	17.9	16.1	13.0	-3.77	-13.8
LNST của CĐ cty mẹ	16.8	16.2	12.8	-0.86	-18.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-89.6	-13.5	-71.2	-22.1	-49.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.37	-133	-61.0	-52.8	-24.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	66.1	198	110	61.2	37.1
Tiền đầu kỳ	79.5	47.5	99.7	77.5	63.9
Lưu chuyển tiền thuần	-32.0	52.1	-22.2	-13.6	-36.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.03	0	0.00
Tiền cuối kỳ	47.5	99.7	77.4	63.9	27.9

(Nguồn: fireant.vn)